

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 114/2017/HSST

Ngày: 14-11-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Phú Vinh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Kha; Ông Trần Sĩ Trinh – Giáo viên trường Trung học cơ sở Tân Phú.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Kim Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2017/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Quách Văn A, Tên gọi khác: Thiện, sinh năm 2001; Hộ khẩu thường trú: ấp BC, xã VT, huyện PT, tỉnh CM; Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố PH, phường T, thị xã TU, tỉnh BD; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Quách Văn B - SN: 1962 và bà Trần Thị C – SN: 1964; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14 tháng 6 năm 2017 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Anh D, Tên gọi khác: không, sinh năm 2000; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 4, xã TH, thị xã ĐX, tỉnh BP; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Phạm Văn E (đã chết) và bà Lại Thị F – SN: 1976; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14 tháng 6 năm 2017 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Quách Văn A: ông Quách Văn B (vắng mặt tại phiên tòa)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Anh D: bà Lại Thị F (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Nguyễn Minh G – Đoàn Luật sư tỉnh BP (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: chị Trần Thị H, sinh năm: 1992; trú tại: ấp 4, xã TH, thị xã DX, tỉnh BP (có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: anh Thiệu Văn I, sinh năm: 1985, trú tại: ấp 4, xã TH, thị xã DX, tỉnh BP (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 11 tháng 6 năm 2017, Quách Văn A rủ Phạm Anh D đi cướp tài sản để lấy tiền tiêu xài, do D biết khu vực gần nhà D có đường tắt liên xã TH - xã TT, thị xã DX là nơi vắng người qua lại vào buổi tối và thuận lợi cho việc cướp tài sản nên D đồng ý. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 12 tháng 6 năm 2017, D mang theo 01 cây gậy bằng kim loại dài 55cm (*dạng cây côn nhị khúc được nối lại với nhau thành cây sắt thẳng*) bỏ vào cặp rồi điều khiển xe mô tô biển số 93T7-4769 (*xe mô tô của bà Lại Thị F, mẹ ruột của D, bà F không biết việc D dùng xe vào việc phạm tội*) chở A ngồi sau đi đến khu vực ấp 4, xã TH, thị xã DX dừng xe bên lề đường chờ có người đi ngang qua để chặn lại chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, D và A phát hiện chị Trần Thị H đang điều khiển xe mô tô 93P1- 741.93 về hướng A và D. Khi thấy chị H chạy xe ngang qua thì D điều khiển xe mô tô chở A đuổi theo khoảng 600m rồi chặn đầu xe mô tô của chị H dừng lại. Lúc này, cầm cây côn nhị khúc của D bước xuống xe và đi đến đe dọa chị H. Do sợ nên chị H mở túi xách ra định lấy tiền đưa cho A thì Hiện nói “Đưa hết đây” thì chị H đưa cả túi xách (*bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93P1-741.93 mang tên Trần Thị H, 01 thẻ ATM ngân hàng Đông Á mang tên Trần Thị H, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Thị H, 01 thẻ Lotte mart mang tên Trần Thị H, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh xám và số tiền 1.400.000 đồng*) cho A. A cầm túi xách của chị H đeo lên vai. Sau đó, A tiếp tục yêu cầu chị H bước xuống xe mô tô để A chiếm đoạt xe mô tô này nhưng không được vì chị H vẫn ngồi trên xe mô tô và rút chìa khóa xe ra. Thấy vậy, A liền dùng cây côn nhị khúc đánh vào lưng của chị H (*nhưng không gây thương tích*) vừa lúc này có ánh đèn xe ô tô của anh Kiều Văn I đang điều khiển chạy gần đến thì chị H bước xuống xe mô tô tri hô “cướp, cướp” nên A bỏ chạy vào trong lô cao su, còn D nổ máy xe mô tô định bỏ chạy thì bị chị H dùng chân đạp xe ngã xuống đường, D bỏ lại xe mô tô biển số 93T7-4769 rồi chạy bộ vào lô cao su bỏ trốn cùng với A. Chạy được khoảng 400m thì A mở túi xách ra lấy số tiền 1.400.000 đồng rồi đi bộ ra đường Quốc lộ 14 đón xe ô tô khách về về khu vực phường T, thị xã TU, tỉnh BD chơi điện tử, ăn uống và tiêu xài hết số tiền này. Còn Tuấn cất giữ toàn bộ số giấy tờ và tài sản trong túi xách của chị H, đến ngày 14 tháng 6 năm 2017 D ra đầu thú tại Công an xã TH để giao nộp cùng 01 cây côn nhị khúc.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2237/C54B ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an, kết luận: Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 6 năm 2017) Quách Văn A có độ tuổi từ: 16 năm 04 tháng đến 16 năm 10 tháng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 63/KLĐG của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã ĐX ngày 12 tháng 7 năm 2017, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, màu xanh xám trị giá 100.000 đồng (*một trăm ngàn đồng*); 01 giỏ (*túi*) xách màu nâu trị giá 10.000 đồng (*mười ngàn đồng*), tổng cộng: 110.000 đồng (*một trăm mười ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 82/KLĐG của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã ĐX ngày 25 tháng 8 năm 2017, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 93P1-741.93, đã qua sử dụng trị giá 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà A và D thực hiện hành vi cướp của chị H là 21.510.000 đồng (*hai mươi một triệu năm trăm mười ngàn đồng*).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô 93P1-741.93 cùng giấy chứng nhận đăng ký, 01 thẻ ATM ngân hàng Đông Á, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ Lotte mart mang tên Trần Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh xám; 01 túi xách màu nâu đã thu hồi trả lại cho bị hại Trần Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị can Phạm Anh D và Quách Văn A đã bồi thường cho chị H số tiền 1400.000 đồng (*một triệu bốn trăm ngàn đồng*), chị H đã nhận và không có yêu cầu gì khác.

Đối với chiếc xe mô tô biển số: 93T7-4769 là tài sản của vợ chồng ông Phạm Văn E (đã chết) và bà Lại Thị F là cha mẹ của D cho D mượn nhưng bà F không biết D dùng để làm phương tiện để cướp tài sản. Vì vậy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐX đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe nêu trên cho bà F.

Tại bản Cáo trạng số: 104/CTr-VKS ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐX đã truy tố bị cáo Quách Văn A và bị cáo Phạm Anh D về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d, khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b, p khoản 1,2 Điều 46, 47; Điều 20;33; 45; 53;69;74 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Quách Văn A từ 7-8 năm tù; bị cáo Phạm Anh D từ 5-6 năm tù.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch tiêu hủy cây sắt (*nhị khúc*) dài 53cm.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện

kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Quách Văn A và Phạm Anh D không có ý kiến gì về tội danh đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo để tuyên phạt đối với bị cáo A từ 5-6 năm tù; bị cáo D từ 4-5 năm tù.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, lời trình bày của bị cáo; người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Quách Văn A và bị cáo Phạm Anh D đã khai nhận như sau: khoảng 19 giờ 20 phút 12 tháng 6 năm 2017 D mang theo một cây sắt (*côn nhị khúc*) dài 53cm rồi điều khiển xe mô tô biển số: 93T7-4769 chở A đi cướp của chị Trần Thị H tại ấp 4, xã TH, thị xã ĐX các tài sản gồm: số tiền 1.400.000 đồng, 01 điện thoại Nokia, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số: 93P1 – 741.93, 01 giỏ xách màu nâu, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM Ngân hàng Đông Á, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ Lotte mart, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 93P1 – 741.93.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa giống như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: khoảng 19 giờ ngày 12 tháng 6 năm 2017 Quách Văn A và Phạm Anh D đã cướp của chị H tổng tài sản có trị giá là 21.510.000 đồng (*hai mươi một triệu năm trăm mười ngàn đồng*). Hành vi của bị cáo A và bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự.

[3] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, trong quá trình thực hiện tội phạm các bị cáo hoàn toàn điều khiển được hành vi của mình và nhận thức được khi sử dụng hung khí nguy hiểm và đe dọa và dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng với bản tính coi thường pháp luật mà các bị cáo đã phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công

dân về tài sản, là khách thể được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[4] Do đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân tích, đánh giá hành vi của từng bị cáo để làm căn cứ khi lượng hình.

[4.1] *Đối với bị cáo Quách Văn A*: Bị cáo đóng vai trò là người khởi xướng chủ mưu đồng thời là người thực hành, trực tiếp dùng 01 cây sắt (côn nhị khúc) dài 53cm đe dọa và dùng vũ lực đã chiếm đoạt tài sản của người bị hại là chị H.

Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật Hình sự bảo vệ, chỉ vì cần có tiền phục vụ mục đích tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã phạm tội. Điều này thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật. Do đó, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm, phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra.

[4.2] *Đối với bị cáo Phạm Anh D* : Bị cáo là đồng phạm với vai trò là người thực hành giúp sức. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật Hình sự bảo vệ. Qua nội dung vụ án có thể thấy rằng, khi nghe bị cáo A rủ đi cướp tài sản thì lẽ ra bị cáo D phải can ngăn nhưng ngược lại bị cáo đã đồng ý, chính bị cáo là người tích cực chuẩn bị phương tiện là chiếc xe mô tô biển số: 93T7-4769 (*xe mượn của bà F là mẹ của bị cáo D*) và hung khí là cây sắt (côn nhị khúc) mua được từ trước và điều khiển xe nêu trên chở bị cáo Hiện chặn xe của chị H để cướp tài sản. Điều này thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm, phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định bản Cáo trạng số 104/CTr-VKS ngày 29/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐX truy tố các bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người còn nhỏ tuổi, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, gia đình các bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại cho người bị hại là chị H toàn bộ số tiền là 1.400.000 đồng (*một triệu bốn trăm ngàn đồng*) mà các bị cáo đã chiếm đoạt và chị H đã nhận đủ. Tại phiên tòa, chị H có yêu cầu

Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo D sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú. Do đó, nghĩ cần xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] *Về vật chứng:*

[8.1] Đối với cây sắt (*côn nhị khúc*) dài 53cm của bị cáo D dùng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Đối với 01 xe mô tô 93P1-741.93 cùng giấy chứng nhận đăng ký, 01 thẻ ATM ngân hàng Đông Á, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ Lotte mart mang tên Trần Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh xám; 01 túi xách màu nâu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐX đã thu hồi trả lại cho bị hại Trần Thị H nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

[8.3] Đối với chiếc xe mô tô biển số: 93T7-4769 là tài sản của vợ chồng ông Phạm Văn E (đã chết) và bà Lại Thị F là cha mẹ của D cho D mượn nhưng bà F không biết D dùng để làm phương tiện để cướp tài sản. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐX đã trả lại chiếc xe nêu trên cho bà F nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Quách Văn A** (tên gọi khác: Thiện) và bị cáo **Phạm Anh D** (tên gọi khác không) phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 điều 133; điểm b,p khoản 1,2 Điều 46; 47; 33, 45, 53; 69; 74 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Quách Văn A 5 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 6 năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Anh D 4 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 6 năm 2017.

3. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy cây sắt (*côn nhị khúc*) dài 53cm theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001534 ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài.

4. Về trách nhiệm dân sự: không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Quách Văn A phải chịu 200.000đồng (*hai trăm ngàn đồng*).

Bị cáo Phạm Anh D phải chịu 200.000đồng (*hai trăm ngàn đồng*).

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo D, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người đại diện hợp pháp cho vị cáo A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; VKSND Tỉnh BP;
- VKSND TX Đồng Xoài;
- THADS TX Đồng Xoài;
- Nhà tạm giữ công an TX. Đồng Xoài
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh

